

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3- 2021

V/v tranh chấp ly hôn,
tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Kim Thảo

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 498/2020/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về “tranh chấp ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 9 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Kim H, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Hoà T, xã Hoà Bình Th, huyện C, An Giang

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Hoà T, xã Hoà Bình Th, huyện C, An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng ngày 30/11/2020, các biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Võ Kim H trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2004, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A. Khi về sống chung với nhau thời gian đầu chúng tôi sống rất hạnh phúc. Đến năm 2016 thì chị và anh T về cha mẹ ruột chị sinh sống. Năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống vì anh T đã quan hệ bất chính bên ngoài với người phụ nữ khác và chị đã từng bắt gặp. Từ đó tình cảm vợ chồng luôn bất hoà, sức mẻ và không còn tin tưởng lẫn nhau, gia đình không hạnh phúc, nhưng vì các con chị bỏ qua mọi lỗi lầm của anh T và chung sống lại với anh. Tuy nhiên thời gian gần đây

chị lại bắt gặp anh T tiếp tục nhắn tin và hẹn hò với người phụ nữ khác (là chị dâu của anh T), chị bắt gặp trong tình nhắn lời lẽ yêu thương, còn hẹn hò cùng nhau bỏ đi chung sống. Chị không thể chịu đựng nổi cuộc sống chị gửi đơn xin ly hôn. Từ tháng 10 năm 2020 chị và anh T đã sống ly thân cho đến ngày hôm nay. Tòa án cho thời gian chị và anh T hàn gắn đoàn tụ nhưng chị không mong muốn sống tiếp với anh T nên chị không đồng ý hàn gắn, đoàn tụ. Nay chị cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, gia đình không còn êm ấm hạnh phúc, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: Có 2 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh năm: 25/5/2005, Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 23/2/2017. Hiện tại cháu T đang sống với chị H, còn cháu H đang sinh sống ở Bình Dương để đi làm thuê. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi hai con, nếu anh T muốn nuôi cháu H thì chị cũng đồng ý để cho anh T nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T cũng như chị không cấp dưỡng nếu anh T nuôi cháu H.

- *Về tài sản và nợ chung*: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 7/01/2021, các biên bản hòa giải và lời khai tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Văn T trình bày:

-*Về hôn nhân*: Anh thống nhất phần trình bày của chị H về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng sống bên nhà anh, sau đó vợ chồng về bên vợ sinh sống. Vợ chồng sống êm ấm được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống. Anh thừa nhận thời gian trước có quen biết người phụ nữ khác bên ngoài nhưng sau đó anh thấy sai trái nên đã từ bỏ, lo cho gia đình. Hiện tại chị H nói anh có quen người phụ nữ khác thì anh xác định không có, anh thừa nhận chỉ nhắn tin qua lại do công việc làm ăn. Anh xác định còn thương vợ thương con, anh không muốn ly hôn, anh xin đoàn tụ. Tòa án cho thời gian anh và chị H hàn gắn đoàn tụ anh có năn nỉ xin lỗi chị H nhưng chị H vẫn không tha thứ cho anh nên không hàn gắn được.

-*Về con chung*: Có 02 con chung tên: Nguyễn Văn H, sinh năm: 25/5/2005, Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 23/2/2017. Hiện tại cháu T đang sống chung với anh và chị H, còn cháu H đang sống ở Bình Dương làm thuê. Sau ly hôn anh yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

-*Về tài sản và nợ chung*: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Kim H và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2004, hôn nhân do quen biết, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo đơn chị H trình bày thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống vì anh T đã quan hệ bất chính bên ngoài với người phụ nữ khác và chị đã từng bắt gặp, nhưng vì các con chị bỏ qua mọi lỗi lầm của anh T và chung sống lại với anh. Tuy nhiên thời gian gần đây chị lại bắt gặp anh T tiếp tục nhắn tin và hẹn hò với người phụ nữ khác (là chị dâu của anh T), chị bắt gặp trong tình nhắn lời lẽ yêu thương, còn hẹn hò cùng nhau bỏ đi chung sống. Từ tháng 10 năm 2020 chị và anh T đã sống ly thân cho đến ngày hôm nay. Còn anh T cũng thừa nhận vợ chồng sống êm ấm được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cuộc sống. Anh thừa nhận thời gian trước có quen biết người phụ nữ khác bên ngoài nhưng sau đó anh thấy sai trái nên đã từ bỏ, lo cho gia đình. Hiện tại chị H nói anh có quen người phụ nữ khác thì anh xác định không có, anh thừa nhận chỉ nhắn tin qua lại do công việc làm ăn. Anh xác định còn thương vợ thương con, anh không muốn ly hôn, anh xin đoàn tụ. Xét thấy với thời gian chung sống giữa chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cũng vì anh T có quan hệ bất chính với phụ nữ khác, anh T cũng thừa nhận có sự việc này chị đã bỏ qua. Tuy nhiên chị H và anh T lại phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị H cho rằng là do anh T lại hẹn hò nhắn tin với người phụ nữ khác, nên chị không thể thay thứ tiếp được nữa. Anh T xác định là không có quen người phụ nữ khác, anh xác định thương vợ thương con mong muốn đoàn tụ. Tuy nhiên quá trình thụ lý giải quyết cũng thời gian Tòa án cho anh và chị H đoàn tụ hàn gắn và tại phiên tòa hôm nay anh T cũng không đưa ra giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn cương quyết xin ly hôn. Do đó, hôn nhân của chị H và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[1.2] Về con chung: Có 2 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh năm: 25/5/2005, Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 23/2/2017. Hiện tại cháu T đang sống với chị H, còn cháu H đang sinh sống ở Bình Dương để đi làm thuê. Sau ly hôn chị yêu cầu nuôi hai con, nếu anh T muốn nuôi cháu H thì chị cũng đồng ý để cho anh nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu T cũng như chị không cấp dưỡng nếu anh T nuôi cháu H. Còn anh T anh yêu cầu nuôi hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Xét thấy theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình khi quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi, nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con. Theo phần trình bày của chị H và anh T thì xác định cháu Nguyễn Văn H đang sinh sống và làm thuê ở Bình Dương nên Tòa án không thể trực tiếp lấy lời khai cháu H được, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh T có nguyện vọng nuôi cháu H, chị H cũng đồng ý, do đó ghi nhận thỏa thuận của các bên để cháu H cho anh T nuôi dưỡng. chị H không cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Nguyễn Ngọc T từ nhỏ cho đến nay đều sống với chị H, được chị H chăm sóc ổn định, hiện tại cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu, nghĩ nên để chị H được tiếp tục nuôi cháu T là phù hợp, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Chị H phải tạo điều kiện thuận lợi cho anh T được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai cản trở khi anh thực hiện quyền này.

[1.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Võ Kim H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[1.4] Về án phí: Do yêu cầu của Chị Võ Kim H được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 9, 53, 56, 58, 81,82 Luật Hôn nhân gia đình 2014, các điều 28, 35, 147, 227, 228, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Kim H. Cho ly hôn giữa chị Võ Kim H và anh Nguyễn Văn T

Giấy chứng nhận kết hôn số: 229 /KH, ngày 28/10/2008 của Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 2 con chung tên là Nguyễn Văn H, sinh năm: 25/5/2005, Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 23/2/2017. Hiện tại cháu T đang sống với chị H, còn cháu H đang sinh sống ở Bình Dương để đi làm thuê. Sau ly hôn chị H được tiếp tục nuôi cháu T, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn anh T được nuôi dưỡng cháu H, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H và anh T phải tạo điều kiện thuận lợi cho nhau được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc cháu H, cháu T, không ai được cản trở khi anh, chị thực hiện quyền này.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Võ Kim H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Kim H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007445 ngày 29/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

5. Về kháng cáo: Chị Võ Kim H và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 26/3/2021).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhân:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung